

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH01192** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Pháp luật về công chứng, chứng thực**
Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988	9	9.0	8.0		8.4
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984	7	8.0	8.5		8.2
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998	7	8.0	9.0		8.5
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980	7	8.0	5.0		6.1
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992	8	8.0	9.0		8.6
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982	8	8.0	9.5		8.9
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979	7	7.0	7.5		7.3
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996	7	7.0	9.5		8.5
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993	6	7.0	8.5		7.8
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983	8	8.0	7.0		7.4
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992	7	6.0	7.0		6.7
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984	7	7.0	8.5		7.9
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990	7	7.0	6.0		6.4
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992	7	7.0	7.5		7.3
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996	8	6.0	8.0		7.5
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991	7	7.0	8.5		7.9

Châu Đốc, ngày 27 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến